

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 25-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Hoàng Duyên

Ông Đỗ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lý Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 09 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn P, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1975 tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp 1, xã PVT, huyện CG, tỉnh LA; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Hai; con bà Lê Thị Liên; Em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1984; vợ Nguyễn Thị Ngọc Liên; Có 01 người con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/03/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (Có mặt).

2. Nguyễn Thanh T (tên gọi khác G), sinh ngày 28 tháng 3 năm 1980 tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TC, huyện CD, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; con ông Nguyễn Văn Tiên; con bà Nguyễn Thị Thanh Loan; Anh chị em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1991; vợ Nguyễn Thị Linh; Có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/03/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (Có mặt).

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1960 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố DO, phường VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Văn Sử; con bà Vi Thị Bảy;

Anh chị em ruột có 08 người, lớn nhất sinh năm 1947, nhỏ nhất sinh năm 1968; vợ Bùi Thị Đàn; Có 01 người sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/03/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (Có mặt).

4. Trần Văn A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1986 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Đội 8, xã NH, huyện NH, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Văn Đông; con bà Đỗ Thị Huệ; Em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994; vợ Lại Thị Thủy; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/03/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (Có mặt).

5. Vũ Văn Tr, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1988 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Tổ dân phố TĐ1, thị trấn NC, huyện TN, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Vũ Văn Chinh; con bà Lâm Thị Len; Anh em ruột có 02 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1994; vợ Nguyễn Thị Hường; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/03/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn Đ*: Luật sư Bùi Thị Thủy - Văn phòng luật sư Bùi Điệp và Cộng Sự thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1979 (Có mặt)

HKTT: Số 261 Lầu 2, đường HB, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: ấp 3, xã HP, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/3/2021 lực lượng Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng An Thới tuần tra trên biển phát hiện tại tọa độ 10⁰-02'20" N, 103⁰-57'20" E thuộc khu vực Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có 01 chiếc tàu kéo không có số hiệu do Nguyễn Văn Đ điều khiển chở 22 người đều là công dân Việt Nam gồm: Nguyễn Thanh T, Trần Văn A, Vũ Văn T, Trần Văn H, Đinh Văn V, Lại Thế C, Trần Văn D, Phạm Văn Dh, Trần Văn M, Phan Văn T, Ngô Văn Th, Lâm Văn Đ, Nguyễn Văn T, Phan Văn H, Phan Văn T, Phạm Văn K, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Ngô Văn T lưu thông trên biển theo hướng từ Bãi

Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đi cảng Ream, Campuchia thì bị bắt quả tang. Trong khoảng thời gian này, Phạm Văn Ph là chủ chiếc tàu kéo trên hay tin những người đi trên tàu của P bị bắt liền đến Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng An Thới đầu thú và khai nhận về hành vi của mình.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án từ Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng An Thới, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang tiến hành làm việc với những người bị bắt, người có liên quan và đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập. Ngày 23 và 25/3/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Phạm Văn P, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn A và Vũ Văn Tr về hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

1. Phạm Văn P: Do có quen biết với nhau trong quán trình làm thuê tại Campuchia trước đó nên vào khoảng đầu tháng 3/2021, Trường ở Campuchia (không biết họ tên và địa chỉ) điện thoại kêu P chạy chiếc tàu kéo đến cảng Ream, Campuchia để đi dời sà lan cát thuê cho Trường với giá 4.000USD/tháng và nhờ P chở một số người sang Campuchia làm thuê cho Trường, thì P đồng ý. Đến khoảng 08 giờ ngày 12/3/2021, P điện thoại kêu Nguyễn Thanh T đi đến nơi tàu kéo của Phú đang neo đậu tại bến Kênh Cụt thuộc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang gặp Nguyễn Văn Đ (là người cùng T lái tàu thuê cho P trước đó) đang trông giữ tại đây, hỏi Đ có đồng ý đi cùng T điều khiển chiếc tàu kéo sang Campuchia làm thuê cho P với giá 15.000.000đồng/người/ tháng hay không, nếu đồng ý thì điều khiển tàu đến địa điểm tại Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc neo đậu đợi nghe điện thoại của những người khách do P cho số gọi đến để đón một số người chở sang Campuchia cho P thì T đồng ý. P tiếp tục nói với T “khi nào đi thì liên hệ với Ngô Văn T (người quen của P) để cho T cùng đi xuống tàu sang Campuchia”. P chuyển 15.000.000đ vào tài khoản của T để làm chi phí đi đường.

2. Nguyễn Thanh T: Vào khoảng 08 giờ ngày 12/3/2021, sau khi nhận lời làm thuê để thực hiện theo sự phân công và tiền chi phí đi đường của P, T đã liên hệ hẹn gặp Ngô Văn T trên đường Nguyễn Văn Linh ở thành phố Hồ Chí Minh cùng đi xe khách Tuấn Nga đến nơi tàu kéo của P đang neo đậu tại bến Kênh Cụt thuộc thành phố Rạch Giá lúc khoảng 03 giờ ngày 13/3/2021, cả hai cùng nhau xuống tàu ngủ. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, T điện thoại hẹn gặp Đ tại quán ngay vòng xoay Kênh Cụt ăn sáng cùng T. Tại đây, T nói lại với Đ “P kêu T hỏi Đ có đi sang Campuchia làm được không, nếu đi được thì chạy tàu ra Bãi Xếp, phường An Thới để đón một số người khác cùng đi sang Campuchia cho P”, Đ đồng ý nên T đưa cho Đ 11.000.000đ đi mua nhiên liệu (dầu, nhớt) và một số thực phẩm mang theo để ăn, còn lại 4.000.000đ T sử dụng hết vào chi phí đi lại. Sau khi chuẩn bị nhiên liệu và thực phẩm xong là khoảng 13 giờ cùng ngày, T cùng Đ thay phiên nhau điều khiển tàu chở T đến Bãi Xếp, phường An Thới là khoảng 02 giờ ngày 14/3/2021 rồi neo đậu tàu tại

đây. T điện thoại thông báo cho P hay, P nói với T “P cho số điện thoại của khách cho T để T liên hệ đón người đưa xuống tàu”. Đợi đến khoảng 20 giờ cùng ngày, có Lâm Văn Đ và Vũ Văn Tg điện thoại cho T, T hướng dẫn và chỉ nơi tàu neo đậu rồi lên bờ đón người, còn Đ và T ở trên tàu. Khi đón người, T thấy số lượng người nhiều quá nên điện thoại thông báo cho P hay thì P nói “thôi lỡ rồi, cứ rước hết họ đi, đưa họ xuống tàu rồi nhổ neo đi qua Campuchia”, nghe xong T hướng dẫn những người này xuống đò của Lưu Văn Tăng để Tăng đưa lên tàu 03 lần với tổng số 20 người gồm: Lần thứ nhất có 05 người, lần thứ hai có 06 người và lần thứ ba có 09 người. Sau khi những người này lên tàu và tự tìm chỗ ngồi ổn định, Tâm kéo mỏ neo lên để cho Đ điều khiển tàu chạy sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị phát hiện bắt giữ.

3. Nguyễn Văn Đ: Là người cùng với T đã từng làm thuê cho P tại Campuchia trước đó và cũng là người trông giữ chiếc tàu kéo trên cho P tại bến Kênh Cụt thuộc thành phố Rạch Giá. Khoảng 08 giờ sáng ngày 13/3/2021, sau khi nhận lời làm thuê để thực hiện theo sự phân công của P thông qua T với nội dung “P kêu Đ đi sang Campuchia làm thuê cho P, nếu đồng ý thì chạy tàu ra Bãi Xếp, An Thới để đón một số người khác cùng đi sang Campuchia cho P” và nhận 11.000.000đ do T đưa để sử dụng làm chi phí đi lại, cụ thể: Mua một số thực phẩm mang theo ăn 4.000.000đ; mua nhiên liệu (dầu, nhớt), nước uống của Thái Văn Giàu 6.120.000đ nhưng Đ chưa trả mà còn giữ số tiền 7.000.000đ. Sau khi chuẩn bị nhiên liệu và thực phẩm xong là khoảng 13 giờ cùng ngày, Đ cùng T thay phiên nhau điều khiển tàu chở T đến Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc là khoảng 02 giờ ngày 14/3/2021 rồi neo đậu tàu tại đây. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ và T ở trên tàu, còn T thì lên bờ đón và hướng dẫn những người khách xuống đò đưa lên tàu thì Đ nhìn thấy đò đưa lên tàu 03 lần với tổng số 20 người gồm: Lần thứ nhất có 05 người, lần thứ hai có 06 người và lần thứ ba có 09 người. Sau khi những người khách xuống tàu và tự tìm chỗ ngồi ổn định, Tâm kéo mỏ neo lên tàu, Đ điều khiển tàu đi sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt giữ.

4. Trần Văn A: Vào ngày 05/02/2020, A thuê chiếc sà lan của Nguyễn Thị Sinh chạy sang Campuchia để hút cát thuê, đến gần tết Nguyên đán A để chiếc sà lan trên lại Campuchia rồi về quê ăn tết. Ngày 10/3/2021, A điện thoại cho Cường ở Campuchia (quen biết với nhau trong quá trình làm thuê tại Campuchia nhưng không biết họ tên và địa chỉ) hỏi về tình hình công việc và được Cường cho hay hiện nay bên Campuchia đang có việc làm rồi kêu A ngày 12/3/2021 vào thành phố Phú Quốc sẽ có người đón đưa sang Campuchia nên A rủ Trần Văn Hiền, Đinh Văn Vũ, Lại Thế Chinh và Trần Văn Dụng đi sang Campuchia làm thuê cho A với giá từ 9.000.000đ đến 12.000.000đ/ tháng, còn chi phí đi lại do A chi trả thì Hiền, Vũ, Chinh và Dụng đồng ý. Đến ngày 12/3/2021 A thuê xe Taxi chở 05 người đến sân bay Nội Bài để vào thành phố Phú Quốc, khi đến nơi không thấy người của Cường đến đón nên cả nhóm thuê nhà nghỉ đợi tại đây. Do không thấy người đón, ngày 13/3/2021 A điện thoại

hỏi Vũ Văn T có tàu sang Campuchia không thì T cho hay ngày 14/3/2021 có tàu của Phạm Văn P chạy sang Campuchia nên Anh điện thoại (do Trường cho số) liên hệ với P cho nhóm của A gồm 05 người đi nhờ sang Campuchia nhưng P không đồng ý, vì số lượng người nhiều. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, A tiếp tục điện thoại liên hệ với T thì T cho hay đang ở Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc nên A thuê Taxi chở 05 người đến Bãi Xếp gặp T tại đây, rồi được Nguyễn Thanh T hướng dẫn xuống chiếc đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt giữ.

5. Vũ Văn T: Do quen biết nhau trong quá trình làm thuê tại Campuchia trước đó nên vào ngày 07/3/2021, T điện thoại cho Hiệp ở Campuchia (không biết họ tên và địa chỉ) hỏi về tình hình công việc và được Hiệp cho hay hiện nay bên Campuchia đang có việc làm rồi kêu T kiểm thêm 03 người nữa qua Campuchia làm thuê cho Hiệp thì T đồng ý. T điện thoại rủ Phạm Văn Doanh, Trần Văn Mạnh và Phan Văn Tuệ đi sang Campuchia làm cho Hiệp với mức lương 8.000.000đ/người/ tháng, còn chi phí đi lại tự túc khi nào qua đến Campuchia Hiệp sẽ trả lại thì Doanh, Mạnh và Tuệ đồng ý, nên ngày 12/3/2021 T điện thoại hỏi Phạm Văn P (do T biết P trước đó) cho nhóm của T có mấy người cùng đi qua Campuchia thì P đồng ý và cho T biết ngày 14/3/2021 có chuyến tàu đi, nếu muốn đi thì vào Phú Quốc. Ngày 14/3/2021, T, Doanh và Mạnh đi từ Nam Định đến sân bay Nội Bài để vào Phú Quốc, còn Tuệ tự đi từ Bình Phước vào Phú Quốc rồi hẹn gặp nhau tại Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc. Khi đến nơi, T điện thoại cho Nguyễn Thanh T (do P cho số) thì được T hướng dẫn đến Bãi Xếp, phường An Thới có T đón nên T thuê Taxi chở 04 người đến Bãi Xếp gặp Tâm tại đây, được một lúc thì có nhóm của Trần Văn A đến sau rồi được T hướng dẫn xuống đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt giữ.

- Lâm Văn Đang, Nguyễn Văn Tường, Phan Văn Hưng, Phan Văn Tuấn, Phạm Văn Kiên, Trần Văn Hiến và Nguyễn Văn Tung: Vào ngày 13/3/2021, Đang được Phương (không rõ họ tên) ở gần nhà cho hay, ngày 14/3/2021 có tàu của Phạm Văn P sang Campuchia nên Đang điện thoại hỏi T (quen biết nhau trong quá trình làm thuê tại Campuchia) có cùng đi qua Campuchia làm thuê không, thì T đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 14/3/2021, Đang điện thoại hỏi P xin đi nhờ sang Campuchia thì P đồng ý rồi kêu Đang khi nào đi đến Phú Quốc gọi điện cho P, nên vào khoảng 11 giờ cùng ngày, Đang và Tường đi xe khách đến sân bay Nội Bài để vào Phú Quốc, trên đường đi có Hưng (quen với Tường trước đó), Tuấn và Kiên cùng đi chung chuyến xe, 02 bên hỏi thăm qua lại thì Hưng biết được Đang và Tường cũng đi qua Campuchia tìm việc làm nên Hưng xin Tường cho nhóm của Hưng đi cùng thì Tường đồng ý. Khi cả nhóm 05 người đến sân bay Nội Bài thì gặp Trần Văn Hiến (quen với Đang trước đó) đợi mua vé đi Vũng Tàu tìm việc làm, 02 bên hỏi thăm qua lại thì Hiến biết được nhóm của Đang đi qua Campuchia tìm việc làm nên Hiến không đi Vũng Tàu mà xin Đang cho Hiến đi cùng thì Đang đồng ý. Đang đại diện gom tiền của cả nhóm lại mua vé máy bay đi vào sân bay Phú Quốc, khi đến

nơi Đang điện thoại cho Phú để hỏi đường đi và nói “có mấy anh em cùng đi”, P kêu Đang “đi đến Bãi Xếp, phường An Thới sẽ có người đón” rồi thuê Taxi chở đến Bãi Xếp ghé vào quán ăn (không rõ tên), tại đây Đang gặp Nguyễn Văn Tung (quen với Đang trước đó) quê ở Nam Định, đi từ sân bay Nội Bài vào Phú Quốc để tìm việc làm, 02 bên hỏi thăm qua lại thì Tung biết được Đang chuẩn bị đi qua Campuchia tìm việc làm nên Tung xin Đang cho Tung đi cùng thì Đang đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đang điện thoại cho Nguyễn Thanh T (do P cho số) thì được T hướng dẫn đến Bãi Xếp, phường An Thới có T đón nên nhóm của Đang đến Bãi Xếp gặp T tại đây, T hướng dẫn xuống chiếc đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt.

- Trần Văn Tiến và Nguyễn Văn Tân: Vào ngày 10/3/2021 Tân đi xe khách từ nhà ở xã Thuận Hà, huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông đến nhà của Tiến (anh em đồng hao) ở xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau chơi. Do không có việc làm nên Tiến và Tân đi xe khách từ Cà Mau đến Hà Tiên rồi đi tàu ra Phú Quốc để qua Campuchia tìm việc làm. Khi đến Phú Quốc, 02 người đi đến Bãi Xếp, phường An Thới ghé vào quán ăn rồi hỏi thăm những người ở đây để đi qua Campuchia thì có Nguyễn Thanh T hướng dẫn xuống chiếc đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt.

- Nguyễn Văn Hội: Do không có việc làm nên vào khoảng 10 giờ ngày 14/3/2021 Hội đi xe khách từ Nam Định đến sân bay Nội Bài để vào Phú Quốc rồi đi Taxi đến Bãi Xếp, phường An Thới để đi tàu qua Campuchia tìm việc làm. Khi đến nơi, Hội điện thoại cho Nguyễn Thanh T thì được T hướng dẫn xuống chiếc đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt.

- Ngô Văn Tuyết: Do không có việc làm nên vào khoảng 10 giờ ngày 14/3/2021 Tuyết đi xe khách từ Nam Định đến sân bay Nội Bài vào Phú Quốc rồi đi Taxi đến Bãi Xếp, phường An Thới để đi tàu qua Campuchia tìm việc làm. Khi đến nơi, Tuyết vào quán ăn (không rõ tên) rồi hỏi thăm những người ở đây để đi qua Campuchia thì có người (không rõ tên) hướng dẫn xuống chiếc đò đưa lên tàu chở sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt.

Về vật chứng:

- Thu giữ của Phạm Văn P:

+ 01 (Một) tàu kéo, không số hiệu; Vật liệu: Vỏ gỗ; $L_{\max}$: 15 (m); $B_{\max}$: 4,70 (m); có gắn máy Cummins 350CV, số máy: 30181269; Tình trạng: Đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; tên phương tiện NAM LỢI; số TV-2269; tên chủ phương tiện: Nguyễn Phước Thạnh; do Chi cục Đăng kiểm tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/8/2010.

+ 01 (Một) Hộ chiếu số C8303586, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 07/10/2019.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO màu trắng (màn hình bị vỡ, bị hỏng).

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro, màu xanh đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 867712040052591; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng) trong đó có 02 sim số điện thoại 0901517817 và sim Campuchia số 00855977101066.

+ 03 (Ba) can có chứa dầu Diesel, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.

+ 01 (Một) can có chứa dầu nhờn, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh Tâm:

+ 01 (Một) giấy CMND số 300974564, cấp ngày 18/4/2011.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xám đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 864394059055212; IMEI 2: 864394059055204, trong đó có 02 sim số điện thoại 0908800192 và 0369747708.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ:

+ 01 (Một) giấy CMND số 370457211, cấp ngày 30/7/2014.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu xám, không lắp sim, dung lượng 16GB, có số IMEI: 3532600071836467 (đã qua sử dụng).

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174, Code: 23KIG74VN00 màu đen có số IMEI 1: 353112110625619; IMEI 2: 353112115625614 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0977156682 và 0335882261.

- Thu giữ của Trần Văn A:

+ 01 (Một) Hợp đồng kinh tế về việc thuê sà lan tự hút bơm cát tại Campuchia, số 02/2020 HĐKT, ngày 20/9/2020 (loại giấy can), của Bên A: Bà Đỗ Huỳnh Lan Hương, sinh năm: 1980, CMND số 024911879, ngày cấp: 25/4/2008, tại Công an thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Srea Ambel. Srea Ambel, Koh Kong. Campuchia; Bên B: Trần Văn A, sinh năm: 1980, CMND số 036086003427, cấp ngày: 31/01/2016, tại Nam Định, địa chỉ: Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định.

+ 01 (Một) tờ giấy chuyển tiền bằng chữ Campuchia, ngày 21 tháng 9 năm 2020.

+ 01 (Một) hợp đồng thuê bằng chữ Campuchia từ tháng 7 năm 2020.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 039/ĐK, chủ phương tiện: Công ty TNHH Tuấn Sinh, số đăng ký: NĐ 1367; địa chỉ chủ phương tiện: Bãi Vạn Hà, phường Lộc Hà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, cấp ngày 12 tháng 6 năm 2019.

+ 01 (Một) hộ chiếu số C6761766, cấp ngày 20/02/2019.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A20s màu đen, dung lượng 64GB, có số IMEI 1: 353246113547030; IMEI 2: 353247113547038, trong đó có 01 sim số điện thoại 0329597229.

- Thu giữ của Vũ Văn T:

+ 01 (Một) hộ chiếu số C9569993, cấp ngày 01/3/2021.

+ 01 (Một) giấy CCCD số 036088010362, cấp ngày 18/02/2020.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia trắng đen, có số IMEI 1: 350664634057755; IMEI 2: 350664636057753 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0338960297 và 0371381722.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A51 màu trắng dung lượng 32GB có số IMEI 1: 861711051493377; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã xử lý trả lại các vật chứng không liên quan đến vụ án cho các chủ sở hữu gồm:

- Trả cho Phạm Văn P:

+ 01 (Một) tàu kéo, không số hiệu; Vật liệu: Vỏ gỗ; $L_{\max}$: 15 (m); $B_{\max}$: 4,70 (m); có gắn máy Cummins 350CV, số máy: 30181269; Tình trạng: Đã qua sử dụng là do Phạm Văn Phú mua lại của Nguyễn Phước Thạnh có tên phương tiện NAM LỢI, số hiệu TV-2269 mang về sửa chữa lại, làm thay đổi kích thước ban đầu nhưng chưa sang tên. Đây là tài sản chung của vợ chồng P mua để làm phương tiện đi làm thuê, việc P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội thì Nguyễn Thị Ngọc L vợ của P không biết.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; tên phương tiện NAM LỢI; số TV-2269; tên chủ phương tiện: Nguyễn Phước Thạnh; do Chi cục Đăng kiểm tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/8/2010.

+ 01 (Một) Hộ chiếu số C8303586, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 07/10/2019.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO màu trắng (màn hình bị vỡ, bị hỏng).

- Trả cho Nguyễn Thanh T: 01 (Một) giấy CMND số 300974564, cấp ngày 18/4/2011.

- Trả cho Nguyễn Văn Đ:

+ 01 (Một) giấy CMND số 370457211, cấp ngày 30/7/2014.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu xám, không lắp sim, dung lượng 16GB, có số IMEI: 3532600071836467 (đã qua sử dụng).

- Trả cho Trần Văn A:

+ 01 (Một) Hợp đồng kinh tế về việc thuê sà lan tự hút bơm cát tại Campuchia, số 02/2020 HĐKT, ngày 20/9/2020 (loại giấy can), của Bên A: Bà Đỗ Huỳnh Lan Hương, sinh năm: 1980, CMND số 024911879, ngày cấp: 25/4/2008, tại Công an thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Srea Ambel. Srea Ambel, Koh Kong. Campuchia; Bên B: Trần Văn Anh, sinh năm: 1980, CMND số 036086003427, cấp ngày: 31/01/2016, tại Nam Định, địa chỉ: Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định.

+ 01 (Một) tờ giấy chuyển tiền bằng chữ Campuchia, ngày 21 tháng 9 năm 2020.

+ 01 (Một) hợp đồng thuê bằng chữ Campuchia từ tháng 7 năm 2020.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 039/ĐK, chủ phương tiện: Công ty TNHH Tuấn Sinh, số đăng ký: NĐ 1367; địa chỉ chủ phương tiện: Bãi Vạn Hà, phường Lộc Hà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, cấp ngày 12 tháng 6 năm 2019.

+ 01 (Một) hộ chiếu số C6761766, cấp ngày 20/02/2019.

- Trả cho Vũ Văn T:

+ 01 (Một) hộ chiếu số C9569993, cấp ngày 01/3/2021.

+ 01 (Một) giấy CCCD số 036088010362, cấp ngày 18/02/2020.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSKG-P1 ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn A và Vũ Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 5 đến 6 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 3 đến 4 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 1 đến 2 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54;

Điều 38; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57 BLHS; Điều 328 BLTTHS xử phạt bị cáo Trần Văn A hình phạt tù bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57 BLHS; Điều 328 BLTTHS xử phạt bị cáo Vũ Văn T hình phạt tù bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước phương tiện và số tiền dùng vào việc phạm tội gồm:

- + 03 (Ba) can có chứa dầu Diesel, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.
- + 01 (Một) can có chứa dầu nhớt, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro, màu xanh đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 867712040052591; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng) trong đó có 02 sim số điện thoại 0901517817 và sim Campuchia số 00855977101066 của Phạm Văn P.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xám đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 864394059055212; IMEI 2: 864394059055204, trong đó có 02 sim số điện thoại 0908800192 và 0369747708 của Nguyễn Thanh T.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174, Code: 23KIG74VN00 màu đen có số IMEI 1: 353112110625619; IMEI 2: 353112115625614 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0977156682 và 0335882261 của Nguyễn Văn Đ.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A20s màu đen, dung lượng 64GB, có số IMEI 1: 353246113547030; IMEI 2: 353247113547038, trong đó có 01 sim số điện thoại 0329597229 của Trần Văn A.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia trắng đen, có số IMEI 1: 350664634057755; IMEI 2: 350664636057753 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0338960297 và 0371381722 của Vũ Văn T.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A51 màu trắng dung lượng 32GB có số IMEI 1: 861711051493377; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng) của Vũ Văn T.
- + Buộc Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền phạm tội có được là 7.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền mua dầu, nhớt và nước uống mà Nguyễn Văn Đ mua của Thái Văn Giàu là 6.120.000đ. Hiện Nguyễn Thị Ngọc Liên (vợ của P) đã trả cho Giàu xong và không có yêu cầu Đ phải trả lại cho Liên nên không xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ có ý kiến: Thống nhất theo ý

kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xác định tội danh và các điều luật áp dụng đối với bị cáo Đ. Bị cáo Đ chỉ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể và lệ thuộc vào sự chỉ đạo, quyết định của bị cáo P và T, nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ nhất có thể đối với bị cáo Đ.

- Các bị cáo P, T, Đậu, A và Tr có ý kiến: Thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như truy tố của Viện kiểm sát. Xin HĐXX xem xét xử mức án nhẹ nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L có ý kiến: Đối với số tiền 6.120.000đ bị cáo Đ mua dầu nhớt chưa trả cho người bán mặc dù bị cáo P chồng bà đã đưa tiền cho Đ trước đó, đến nay bà đã trả xong cho người bán và không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả tiền lại cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi các bị cáo đã thực hiện: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn A và Vũ Văn Tg thừa nhận đã thực hiện hành vi tổ chức cho một số người khác trốn ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trái phép, nhằm mục đích ở lại làm thuê tại Campuchia, trên đường đi đến cảng Ream, Campuchia thì bị bắt giữ. Trong đó, hành vi cụ thể của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo P: sau khi nhận lời di dời sà lan cát thuê cho người tên Trường ở Campuchia với giá 4.000USD/tháng, Trường nhờ P chở một số người Việt Nam sang Campuchia làm thuê cho Trường, P đồng ý rồi sử dụng chiếc tàu kéo không có số hiệu của mình phân công, chỉ đạo và cung cấp số điện thoại, địa điểm cho những người đi (tất cả 21 người) để Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn Đ là người làm thuê cho P tổ chức chở họ trốn sang Campuchia trái phép.

- Bị cáo T: sau khi nhận lời làm thuê cho P, nhận sự phân công và tiền chi phí đi đường từ P rồi liên hệ hẹn gặp Ngô Văn T ở thành phố Hồ Chí Minh để cùng đi đến nơi tàu kéo của P đang neo đậu tại bến Kênh Cụt thuộc thành phố Rạch Giá gặp Đ đưa lại cho Đ 11.000.000đ mua nhiên liệu và một số thực phẩm mang theo để ăn. Sau đó T cùng Đ thay phiên nhau điều khiển tàu chở Thanh đến Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc tiếp nhận thông tin, hướng dẫn và chỉ nơi tàu neo đậu rồi lên bờ đón thêm 20 người lên tàu để Đ điều khiển

chạy sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ 10⁰-02'20''N, 103⁰-57'20''E thuộc khu vực Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc thì bị phát hiện bắt giữ.

- Bị cáo Đ: cùng với T theo sự phân công của P chạy tàu ra Bãi Xếp, phường An Thới, thành phố Phú Quốc để đón một số người khác cùng đi sang Campuchia cho P và nhận tiền 11.000.000đ do T đưa để sử dụng làm chi phí phục vụ cho chuyến đi (mua dầu, nhớt và thực phẩm). Tại Phú Quốc, Đ cùng T đón thêm 20 người xuống tàu, sau đó Đ điều khiển tàu chạy sang Campuchia, trên đường đi đến tọa độ nêu trên thì bị bắt giữ.

- Bị cáo A: có hành vi rủ rê, liên hệ với Phạm Văn P tổ chức cho 04 người gồm: Trần Văn Hiền, Đinh Văn Vũ, Lại Thế Chinh và Trần Văn Dụng trốn sang nước Campuchia.

- Bị cáo Trg: có hành vi rủ rê, liên hệ với Phạm Văn P tổ chức cho 03 người gồm: Phạm Văn Doanh, Trần Văn Mạnh và Phan Văn Tuệ trốn sang nước Campuchia.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận hành vi các bị cáo thực hiện cấu thành tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo quy định tại Điều 349 Bộ luật Hình sự (BLHS) như truy tố của Viện kiểm sát. Trong đó, các bị cáo P, T và Đ bàn bạc, cấu kết với nhau tổ chức cho 21 người trốn đi nước ngoài trái phép nên phạm vào điểm a khoản 3 Điều 349 BLHS; bị cáo A thông qua bị cáo P, T tổ chức cho 04 người trốn đi nước ngoài trái phép, bị cáo Tr thông qua bị cáo P, T tổ chức cho 3 người trốn đi nước ngoài trái phép nên phạm vào khoản 1 Điều 349 BLHS.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo Phạm Văn Ph là đầu vụ, là người tổ chức, giữ vai trò chính và quyết định việc giao cho các bị cáo T và Đ chở 21 người trốn đi nước ngoài trái phép. Tại phiên tòa, bị cáo P cho rằng không biết cụ thể số lượng người T và Đ chở đi nước ngoài. Tuy nhiên theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận và buộc bị cáo P phải chịu trách nhiệm đối với số lượng người thực tế mà T và Đ đã chở đi, cụ thể: Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2021 P khai số người đưa lên tàu kéo đưa sang Campuchia dự đoán trên 10 người, không nghĩ đến 21 người (bút lục 463); Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2021 P thừa nhận do mình kêu T và Đ ghé rước nên T và Đ mới ghé rước những người này đi (bút lục 468). Tại nhiều biên bản ghi lời khai của bị cáo T cho biết do P điện kêu xuống Kiên Giang chở mười mấy người sang Campuchia (Bút lục 479; 481; 501; 509-510) và tại Tờ tự khai ngày 10/8/2021 bị cáo T cho biết khi đến Phú Quốc, T lên gặp Tr và Đang thấy có khoảng 20 người nên điện cho P nói có nhiều người cùng đi với Tr và Đang thì P nói lỡ rồi cho người ta đi luôn (bút lục 516). Như vậy, chính bị cáo P đã quyết định giao cho T và Đ chở trên 10 người sang Campuchia và mặc dù không biết cụ thể là bao nhiêu người nhưng chấp nhận để T và Đ chở tất cả những người

muốn đi đang có mặt tại đó, nên thực tế có 21 người đi thì bị cáo P phải chịu trách nhiệm đối với số lượng này.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T (Gi) đồng phạm với vai trò là người thực hành, trực tiếp liên hệ cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm cho người cần trốn đi; tiếp nhận, đưa những người cần trốn đi lên tàu để bị cáo Đ điều khiển tàu chạy sang Campuchia. Như vậy, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đáng kể trong vụ án, vì không có người thực hành thực hiện các hành vi cụ thể như bị cáo T trong vụ án thì không thể có việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ đồng phạm với vai trò giúp sức, tham gia chuẩn bị các điều kiện cần thiết (mua nhiên liệu, thực phẩm) và trực tiếp điều khiển tàu theo ý kiến điều hành, quyết định của các bị cáo P và T. Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai xác nhận của các bị cáo P và T tại phiên tòa cho thấy, bị cáo Đ phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể trong vụ án, bởi bị cáo Đ chỉ được bị cáo P kêu lái tàu sang Campuchia làm thuê cho P, còn việc tổ chức cho một số người khác lên tàu để trốn đi nước ngoài là do bị cáo P, T thực hiện và quyết định.

- Bị cáo Trần Văn A và Vũ Văn Tr đồng phạm với vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án. Bản thân các bị cáo chỉ là người muốn trốn đi nước ngoài trái phép nhưng lại rủ rê một số người khác cùng đi. Những người do hai bị cáo rủ rê có được đi hay không là do quyết định của bị cáo P và bị cáo T.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ là quân nhân xuất ngũ, được Chủ tịch UBND phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá tặng giấy khen có thành tích “Tiêu biểu 05 năm phong trào Nông dân SXKD giỏi cấp phường giai đoạn 2012-2016” và Giấy khen đạt thành tích tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” năm 2018 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Vũ Văn Tr tích cực giúp cơ quan Công an điều tra tội phạm (theo xác nhận của Công an tỉnh Nam Định cho biết Tr cung cấp thông tin có giá trị giúp Công an khám phá, bắt, khởi tố 2 vụ 3 đối tượng phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép ma túy vào năm 2020 - Bút lục 294) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Phạm Văn P đầu thú sau khi hay tin các bị cáo khác bị bắt; bị cáo Trần Văn A có người thân là người có công với cách mạng (cha Trần Công Đông là bộ đội xuất ngũ; ông nội Trần Công Đang được Chủ tịch nước tặng

Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3); bị cáo Vũ Văn Tr có người thân là người có công với cách mạng (cha Vũ Văn Chinh được Chủ tịch nước thưởng “Huân chương chiến công” hạng 3 và được Hội đồng nhà nước thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Theo chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện bị cáo Phạm Văn P không có đóng góp gì cho việc phát hiện tội phạm đối với vụ án này, mà sau khi các bị cáo khác bị bắt thì bị cáo P mới đến cơ quan chức năng đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Từ đó cho thấy, không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo P và do bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 349 BLHS (7 năm tù) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, như đã phân tích trên là đồng phạm với vai trò là người thực hành, trực tiếp liên hệ cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm cho người cần trốn đi; tiếp nhận, đưa những người cần trốn đi lên tàu để bị cáo Đ điều khiển tàu chạy sang Campuchia. Như vậy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đáng kể trong vụ án, vì không có người thực hành thực hiện các hành vi cụ thể như bị cáo T thì không thể có việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Vì vậy, không thể cho rằng bị cáo T đồng phạm với vai trò không đáng kể để áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS và xử hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 349 BLHS (7 năm tù) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận ý kiến của người bào chữa của bị cáo Đ, quyết định mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất phạm tội của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ mỗi bị cáo được hưởng. Đồng thời do các bị cáo phạm tội chưa đạt, nên áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 06 cái điện thoại của các bị cáo, 03 can chứa dầu Diesel loại 30 lít, 01 can dầu nhớt loại 30 lít là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra đã xử lý trong giai đoạn điều tra thì không xem xét lại.

Đối với số tiền 11.000.000đ bị cáo Đ nhận từ bị cáo T là của bị cáo P đưa để làm chi phí cho chuyến đi (mua dầu, nhớt, thực phẩm), chứ không phải tiền bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội được bị cáo P trả công (không phải tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội). Mặt khác, bị cáo Đ đã chi số tiền này cho việc mua thực phẩm phục vụ cho chuyến đi, phần mua dầu nhớt chưa trả nhưng bà L

vợ bị cáo P đã trả thay và không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại, nên không buộc bị cáo Đ phải giao nộp lại số tiền này để tịch thu.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn P**, **Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác Gi), **Nguyễn Văn Đ**, **Trần Văn A** và **Vũ Văn Tr** phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn P** 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 18/3/2021.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác Giang) 7 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 15/03/2021.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 15; khoản 3 Điều 57; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 15/03/2021.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 15, khoản 3 Điều 57; khoản 2, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn A** 10 (mười) tháng 5 (năm) ngày tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 20/3/2021. Như vậy bị cáo Trần Văn A đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo Trần Văn Anh tại phiên tòa.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 15, khoản 3 Điều 57; khoản 2, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Tr** 10 (mười) tháng 5 (năm) ngày tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 20/3/2021. Như

vậy bị cáo Vũ Văn Tr đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo Vũ Văn Tr tại phiên tòa.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 06 điện thoại di động và dầu nhớt là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội gồm:

+ 03 (Ba) can có chứa dầu Diesel, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.

+ 01 (Một) can có chứa dầu nhờn, loại can nhựa khoảng 30 (Ba mươi) lít.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro, màu xanh đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 867712040052591; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng) trong đó có 02 sim số điện thoại 0901517817 và sim Campuchia số 00855977101066 của Phạm Văn P.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xám đen, dung lượng 128GB, có số IMEI 1: 864394059055212; IMEI 2: 864394059055204, trong đó có 02 sim số điện thoại 0908800192 và 0369747708 của Nguyễn Thanh Tâm.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174, Code: 23KIG74VN00 màu đen có số IMEI 1: 353112110625619; IMEI 2: 353112115625614 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0977156682 và 0335882261 của Nguyễn Văn Đ.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A20s màu đen, dung lượng 64GB, có số IMEI 1: 353246113547030; IMEI 2: 353247113547038, trong đó có 01 sim số điện thoại 0329597229 của Trần Văn A.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia trắng đen, có số IMEI 1: 350664634057755; IMEI 2: 350664636057753 (đã qua sử dụng), trong đó có 02 sim, số điện thoại 0338960297 và 0371381722 của Vũ Văn Tr

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A51 màu trắng dung lượng 32GB có số IMEI 1: 861711051493377; IMEI 2: 867712040052583 (đã qua sử dụng) của Vũ Văn Tr.

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 10/QĐ-VKSKG-P1 ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang).

8. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn A và Vũ Văn Tr phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/01/2022).

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (5);
- Người liên quan (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Linh